

Số: /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 29/CV-Intellienergy ngày 28/3/2024 của Công ty TNHH Intellienergy Technology về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 36/CVMT-INTELLIENERGY ngày 11/6/2024 của Công ty TNHH Intellienergy Technology về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Dự án Công ty TNHH Intellienergy Technology” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Intellienergy Technology, địa chỉ tại Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Chín Hưng Việt Nam, Lô Q-5, khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực

hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án Công ty TNHH Intellienergy Technology” tại Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam, thuộc lô Q-5, khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án Công ty TNHH Intellienergy Technology”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam, thuộc lô Q-5, khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0202211878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/8/2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8718456885, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2023, cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 01 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0202211878

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công linh kiện, phụ kiện tuabin gió trong các thiết bị động cơ phát điện .

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích thuê sử dụng: 2.798,6 m².

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Công suất của dự án: Linh kiện, phụ kiện tuabin gió trong các thiết bị động cơ phát điện với số lượng 300.000 cái tương đương 210 tấn.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Intellienergy Technology:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Intellienergy Technology có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: xã An Hoà, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Intellienergy Technology;
- Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam;
- Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày thángnăm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Intellienergy Technology đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 02 CH-IIP/2023 ngày 01/3/2023 với Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam; Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam đã ký hợp đồng dịch vụ đấu nối số 1903/2019/HDDV ngày 19/3/2019 với Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn-Hải Phòng về việc đấu nối vào hệ thống tiện ích của KCN Tràng Duệ (Toàn bộ nước thải từ nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng làm chủ đầu tư).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất của dự án khoảng 2,4 m³/ngày đêm, lượng nước thải này sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại sau đó theo đường ống PVC D400, độ dốc 0,3% dẫn vào bể lắng 4 ngăn của Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam để tiếp tục xử lý. Toàn bộ nước thải sau đó được thu gom về hố ga thoát nước thải chung và tiếp tục xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại và nước rửa tay chân → Bể lắng 4 ngăn (của Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam) → hố ga → hệ thống dẫn nước thải chung của Khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ.

- Công suất thiết kế:

- + 01 bể tự hoại, dung tích 12 m³ tại khu vực nhà vệ sinh;
- + Bể lắng 4 ngăn của Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam có dung tích 49,92 m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đơn vị cho thuê: Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam đầu tư xây dựng, trực tiếp quản lý hệ thống thu thoát nước mưa, nước thải và định kỳ thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn, bùn thải tại công trình thoát nước mưa, thoát nước thải; trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý, đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng

Đơn vị thuê nhà xưởng: Công ty TNHH Intellienergy Technology thực hiện nghiêm túc biện pháp thu gom, lưu chứa, chuyên giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do:

Công ty TNHH Intellienergy Technology đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 02 CH-IIP/2023 ngày 01/3/2023 với Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam, trong đó nêu: Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải của dự án trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của KCN Tràng Duệ.

Công ty TNHH Chin Hung Việt Nam đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép môi trường số 37/GPMT-BQL ngày 04/01/2024.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tràng Duệ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tràng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm
2024 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ quá trình hàn;
- Nguồn số 2: Khí thải từ quá trình nhúng thiếc.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1 Vị trí xả khí thải:

- Khí thải thoát trực tiếp trong nhà xưởng qua miệng xả, không phát sinh dòng khí thải thoát ra môi trường qua ống thoát khí.

2.2 Lưu lượng khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 400 m³/h (ứng với 02 thiết bị xử lý khí thải công suất 200 m³/h/thiết bị).

2.2.1 Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn, quá trình nhúng thiếc được thu gom vào thiết bị xử lý khí thải để xử lý đạt tiêu chuẩn, sau đó khí thải thoát trực tiếp trong nhà xưởng thông qua miệng xả.

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí trong nhà xưởng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường lao động QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT – Về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (QCVN 02:2019/BYT, Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/m ³	8	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Hơi Sn	mg/m ³	2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình hàn, quá trình nhúng thiếc được quạt hút hút vào bộ lọc khí gồm: bông lọc thô, bông hút dầu sơ bộ, lõi lọc hiệu suất trung bình và lõi lọc hiệu suất cao để hấp phụ khí thải, khí sạch thoát trong xưởng qua miệng thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý:

Khói hàn → quạt hút → miệng thu của máy → đường ống dẫn → bộ lọc khí gồm bông lọc thô, bông hút dầu sơ bộ, lõi lọc hiệu suất trung bình và lõi lọc hiệu suất cao để hấp phụ khí thải → khí sạch thoát trong xưởng qua miệng thoát khí.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm thiết bị xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

* 01 mẫu tại khu vực hàn. Tọa độ X (m) = 2307788, Y (m) = 583129

* 01 mẫu tại khu vực nhúng thiếc. Tọa độ X (m) = 2307788, Y (m) = 583127

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép: theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 3.1. Lắp đặt đầy đủ hệ thống điều hòa, quạt thông gió nhà xưởng.
- 3.2. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân làm việc như: khẩu trang, quần áo.. và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động..
- 3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Khu vực máy ủi cát;
- + Nguồn số 02: Khu vực máy mài.
- + Nguồn số 03: Khu vực máy đột dập.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Khu vực máy ủi cát. Tọa độ: X(m) = 2307777, Y(m) = 583135;
- + Nguồn số 02: Khu vực máy mài. Tọa độ: X(m)= 2307802, Y(m) = 583139;
- + Nguồn số 03: Khu vực máy đột dập. Tọa độ: X(m) = 2307817, Y(m) = 583152.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dây hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	0,4	07 04 01
2	Xi hàn có kim loại nặng	Rắn	0,02	07 04 02
3	Mảnh kim loại từ quá trình dập và mặt kim loại từ công đoạn sản xuất có lẫn dầu	Rắn	220	07 03 11
4	Dầu, cặn dầu thải (bao gồm cả dầu thải trong quá trình bảo dưỡng thiết bị định kỳ)	Rắn	850	17 01 06
5	Chất hấp thụ, bông lọc (hệ thống xử lý khí thải), giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	360	18 02 01
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	150	18 01 02
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 03
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
9	Ắc quy thải	Rắn	25	19 06 01
Tổng			1.710,42	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh bao gồm các loại bavia đồng từ dây chuyền sản xuất, sản phẩm lỗi, hỏng, các loại thùng bìa carton, túi nilon, ballet gỗ: 12,454 tấn/năm ~ 1,038 tấn/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bao gồm giấy, bọc nilon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,...: 22,79 kg/ngày ~592,5 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 8 m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng khép kín, có mái che và nền bê tông chống thấm, bố trí đầy đủ biển cảnh báo, bình bột chữa cháy, cát chống thấm, rãnh thu, hố thu và gờ chống tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: 01 kho với diện tích 8 m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu giữ chất thải được xây dựng khép kín, có mái che và nền bê tông, và được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy dung tích 50 lít -100 lít. Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực nhà vực nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất;

- Phân loại rác thải theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng gồm: thùng chứa rác thải màu xanh lá cây: sử dụng chứa rác thải thực phẩm; màu trắng, trong suốt: sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; màu vàng: sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong

Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
